

Bản án số: 613/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24/12/2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hùng

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

-Thư ký phiên tòa: Trần Thị Kim Yến- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1978 nơi cư trú: Số 387/13, ấp VT, xã VTT, huyện CP, An Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1974 nơi cư trú: Số 486, ấp BD, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2018 và lời khai của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày: Bà và ông Trần Văn T chung sống vợ chồng năm 1996 không đăng ký kết hôn. Bà và ông T sống chung với gia đình chồng nhưng ông T không chí thú làm ăn, không lo kinh tế gia đình mà chỉ ăn chơi, cờ bạc, quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác về nhà còn đánh đập vợ. Bà và ông T không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn bà xin ly hôn ông T. Bà và ông T có hai con chung Trần Huỳnh Hải H, sinh

năm 1997 và Trần Huỳnh Hoàng O, sinh năm 2002; H đã trưởng thành và lao động được, còn cháu O bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp nuôi con. Bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông T là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng không có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Bà L và ông T chung sống vợ chồng năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Bà L và ông T chung sống vợ chồng nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà L và ông T là vợ chồng.

[2.2] Bà L và ông T có hai con chung Trần Huỳnh Hải H, sinh năm 1997 (đã thành niên và lao động được) và Trần Huỳnh Hoàng O, sinh năm 2002. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu O, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu O từ khi bà L và ông T không còn chung sống năm 2016 đến nay bà L là người trực tiếp nuôi con, cháu O có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó Hội đồng xét xử giao cháu O cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim L.

Không công nhận quan hệ giữa bà Huỳnh Thị Kim L và ông Trần Văn T là vợ chồng.

Bà L và ông T có hai con chung Trần Huỳnh Hải H, sinh năm 1997 (đã thành niên và lao động được) và Trần Huỳnh Hoàng O, sinh năm 2002; giao bà L

được tiếp tục nuôi dưỡng cháu O. Bà L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện ông T thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có quyền xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà L trình bày không có tài sản chung, nợ chung.

Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002369 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Ông T vắng mặt thời hạn kháng 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thế Văn